

Bản án số: 76/2025/DS-ST

Ngày: 16/5/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Đạt;

2. Bà Trần Thị Thanh Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Định – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 800/2024/DSST ngày 21/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1989. Địa chỉ: 156/32/14 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh PP, sinh năm 1981 và bà THT, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Căn hộ 14.03 tháp W1, khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng S, lô W, số 25 đường N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành P trình bày:

Ngày 24/5/2013, bà THT có vay của ông Nguyễn Thành P số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, không thỏa thuận lãi suất. Thời hạn vay từ ngày 24/5/2013 đến ngày 24/9/2013. Vay bằng tiền mặt và bà Thanh có viết giấy vay nợ và ký tên, điểm chỉ ngay sau khi vay tiền.

Cùng ngày 24/5/2013, ông Nguyễn Thanh PP có vay của ông P số tiền 200.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông PP phải trả cho ông P số tiền 200.000.000 đồng.

Tuy nhiên, từ đó đến nay bà Thanh không trả tiền cho ông P. Ông P đã cố gắng liên lạc với bà Thanh nhưng không liên lạc được. Ngày 26/10/2023, ông P làm đơn khởi kiện ông PP và bà Thanh yêu cầu trả lại số tiền mà ông P và bà Thanh đã vay.

Nay, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung sau:

- Buộc bà THT trả số tiền là 200.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất kể từ ngày vay. Trả một lần, toàn bộ, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà THT chưa thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên, thì bà THT phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay mà ông P cho bà Thanh vay, ông P xác định cho cá nhân bà Thanh vay, không liên quan đến ông PP.

Bị đơn bà THT và ông Nguyễn Thanh PP đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập tham gia tố tụng, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành P. Buộc bà THT phải trả cho ông P 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Thành P có **đơn yêu cầu thi hành án**, nếu bà THT chưa thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên thì bà THT phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất số tiền bà THT vay của ông P kể từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm **đối với số tiền** 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng bà THT vay nợ của ông P.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thanh PP trả số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà THT phải trả số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng theo Giấy vay nợ đề ngày 24/5/2013 Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bà THT, sinh năm 1985 có cư trú tại Căn hộ 14.03 tháp W1, khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng Sunrise City, lô W, số 25 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về xác định tư cách đương sự: Ông Nguyễn Thanh PP là chồng của bà THT. Tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ông Nguyễn Thanh PP cũng là bị đơn trong vụ án. Ông Nguyễn Thành P xác định chỉ yêu cầu bà THT trả lại số tiền mà bà THT vay của ông Nguyễn Thành P. Do đó, Hội đồng xét xử không xác định ông Nguyễn Thanh PP là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc bà THT vay tiền của ông Nguyễn Thành P.

Bị đơn bà THT vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Thanh vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà THT và ông Nguyễn Thanh PP theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Tòa án triệu tập bị đơn bà THT và ông Nguyễn Thanh PP đến Tòa án để trình bày lời khai, ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng bà THT và ông Nguyễn Thanh PP không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án và không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bà THT và ông Nguyễn Thanh PP đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thành P yêu cầu bà THT trả số tiền 200.000.000 đồng:

Theo Giấy vay tiền ngày 24/5/2013 do nguyên đơn cung cấp bà THT có vay của ông Nguyễn Thành P số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 24/5/2013 đến ngày 24/9/2013 bà Thanh hoàn trả.

Ông P xác định chỉ cho cá nhân bà THT vay, giấy vay không có chữ ký của ông PP.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

Bà Thanh đến nay vẫn không trả khoản tiền vay cho ông P theo giấy “*Cam kết nhận nợ vay*”, đề ngày 24/5/2013 có chữ ký chữ viết của bà Thanh. Do đó Hội đồng xét xử xem xét xác định đây là khoản vay cá nhân bà Thanh vay của ông P không liên quan đến ông PP.

Tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm, bà Thanh chưa trả số tiền này cho ông P. Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp buộc bà Thanh có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 200.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do bị đơn bà THT vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà THT trả tiền nợ gốc là có cơ sở.

Trong Đơn khởi kiện và các bản tự khai, ông P có yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền bà THT vay của ông P 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Tuy

nhien, tại phiên tòa hôm nay, ông P xác định yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng bà THT vay của ông P. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu tính lãi suất số tiền bà THT vay của ông P kể từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bị đơn phải chịu lãi suất chậm thanh toán. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do nguyên đơn ông P rút yêu cầu khởi kiện buộc ông PP phải trả số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng do đó Hội đồng xét xử xem xét và đình chỉ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thanh PP trả số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn bà THT phải có nghĩa vụ trả tiền nên bị đơn bà THT phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471, Điều 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất.

Căn cứ Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn bà THT và ông Nguyễn Thanh PP.
2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành P. Buộc bà THT phải trả cho ông P 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Thành P có **đơn yêu cầu thi hành án**, nếu bà THT chưa thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên thì bà THT phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất số tiền bà THT vay của ông P kể từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm **đối với số tiền** 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng bà THT vay nợ của ông P.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc ông Nguyễn Thanh PP trả số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà THT phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 24.600.000 (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng cho ông Nguyễn Thanh P theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000815539 mã thông báo 18SFM045MO ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Định).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương